

MỘT CÁCH HIỂU RẤT LẠ VỀ TỪ *CẦU KIỀU*NGUYỄN CẢNH PHÚC

Ở nội dung sau của Hội cựu giáo chức Nghệ An, số 1/2012, ông Trần Thân đã viết: "*Muốn sang thì bắc cầu kiều* là chữ *kiều* thứ hai (). Đến đây, từ *kiều* bỏ nghĩa cho cái cầu, từ *sang* không phải là động từ nữa, mà là sang trọng. Vậy thì "cầu kiều" trong câu ca dao trên chính là cái cầu thang bước lên các nấc thang danh vọng, từng bước thành đạt lên cao mãi, chứ không phải là cái cầu bắc qua sông, qua suối. Câu ca dao trên có hai vế, vế trên nhắc nhở lớp trẻ phải có hoài bão và phải hành động theo quan điểm Nho gia. Vế dưới nhắc nhở bố mẹ phải có mơ ước và phải xử sự cho đúng lẽ." (cuối cột 2, trang 41 - sđd). Qua đoạn trích dẫn ở trên, chúng ta biết được ông Thân hiểu *cầu kiều* nghĩa là "cầu cao". Chữ (*kiều*) nghĩa là "cao". Chúng ta nên nhớ rằng trong kho tàng ca dao ta có hai câu như sau:

(1) *Ai ơi chớ bắc cầu cao*

Tốn thân tiền của lại hao sức người.

(2) *Ai ơi chớ bắc cầu cao*

Đi qua kênh rạch dễ nhào xuống kênh.

Bắc cầu cao thì tốn thêm nguyên vật liệu, tốn thêm tiền bạc, tốn thêm công sức khi bắc cầu và tốn thêm công

sức khi đi bộ hoặc gánh gồng qua cầu, phải leo thêm dốc cao, vất vả thêm không đáng có. Từ xưa tới nay, ở Nam Bộ có nhiều cây cầu tre bắc qua kênh rạch. Khi người đi trên cầu, cầu tre rung rinh, đu đưa chao đảo, ai cũng phải một tay vịn vào thành cầu. Nếu bắc cầu cao, thì khi người đi trên cầu, cầu sẽ rung rinh, chao đảo mạnh hơn cầu thấp, làm cho những người yếu bóng vía dễ rợn ngợp, luống cuống, dễ bị ngã nhào, rơi tòm xuống kênh rạch, rất nguy hiểm. Qua thực tế, nhân dân ta rất có kinh nghiệm, không bắc cầu cao, chỉ bắc cầu sao cho về mùa lũ, cầu ở trên mặt nước là được. Ngày nay, ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh người ta bắc một số cầu, vượt qua trên những đoạn đường hay ùn tắc giao thông, gầm cầu cao hơn mặt đường khoảng 6m. Thế mà người ta vẫn gọi những cái cầu đó là *cầu vượt*, không gọi là *cầu kiều* () hay *cầu cao* như ông Thân giải thích. Tôi còn nhớ có câu thơ ca ngợi cầu Long Biên như sau:

Hà Nội có cầu Long Biên

Vừa dài vừa rộng, bắc trên sông Hồng.

Chúng ta nên nhớ rằng: *cao* và *dài* đều là tính từ, đều là thanh bằng

như nhau, do đó, nếu thay *dài* bằng *cao* thì kết cấu ngữ pháp và âm điệu của câu thơ vẫn không thay đổi. Thế mà nhà thơ vẫn không viết: *Hà Nội có cầu Long Biên/ Vừa cao vừa rộng, bắc trên sông Hồng*. Đó là vì nhà thơ đã hiểu rất sâu sắc tâm lí nhân dân ta là hay sợ, hay ngợp khi đi trên cầu cao. Mặt khác, "cầu thang" là những cái cầu có những bậc giống như bậc thang, dùng để bước lên nhà sàn hoặc lên nhà tầng. Tôi may mắn được một gia đình đồng bào Mường ở huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa cho ở trong nhà 3 năm tròn. Hằng ngày, tôi và các thành viên trong gia đình đó lên xuống cầu thang rất nhiều lần, nghe họ gọi là "cầu thang", không nghe ai gọi là "cầu kiều" hay "cầu cao". Trong 4 năm (từ 1961 đến 1965) học ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tôi được ở tầng 4. Hằng ngày, bọn sinh viên chúng tôi lên xuống cầu thang rộn ràng, tấp nập như những đàn ong bay vào bay ra ngoài tổ. Tất cả sinh viên, ai cũng gọi là "cầu thang", không ai gọi là "cầu kiều" hay "cầu cao". Thế mà ông Thân giải thích *cầu kiều* () nghĩa là "cầu cao", rồi nhảy sang *kiều cầu kiều* là "cầu thang", rồi hiểu *cầu thang* theo nghĩa ẩn dụ (so sánh ngầm) là cầu thang danh vọng. Qua đây, chúng ta thấy ông Thân đã tư duy và lập luận theo kiểu nhảy cóc, khiến cho độc giả cảm thấy đột ngột, hẫng hụt, gián đoạn, không mạch lạc, không chặt chẽ, thiếu sức thuyết phục. Từ đó, chúng ta thấy rằng ông Thân hiểu từ *cầu kiều* ()

như trên là rất kì lạ. Tôi cho rằng *cầu kiều* là một từ ghép đẳng lập nửa Việt nửa Hán, trong đó *cầu* là từ thuần Việt, *kiều* () là từ Hán, nghĩa là cái cầu. *Cầu* và *kiều* () bình đẳng, ngang hàng nhau, không có yếu tố nào là chính, yếu tố nào là phụ. *Cầu kiều* là cái cầu bắc qua sông qua suối, qua hồ... Xưa kia, cuối xã Hồng Long, đầu xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, có một cái cầu dài khoảng 5m, bắc qua hồ nước. Nhân dân quê tôi gọi cái cầu đó là *cầu kiều*. Cầu kiều ở phía ngoài đê, cách đền Thần Trụ khoảng hơn 100m. Cầu kiều đó đã hỏng từ lâu lắm rồi, được thay bằng 4 cái cống tròn, nhưng nhân dân quê tôi vẫn cứ gọi là *cầu kiều*, mà không gọi là *cống kiều*. Khoảng 30 năm nay, nhân dân quê tôi không đi qua cái cầu đó nữa. Bốn cái cống tròn đó được chuyển đến nơi khác, không hề còn lại một dấu vết gì của cái cầu kiều xưa. Thế mà cho đến giờ phút tôi đang viết bài này, nhân dân quê tôi vẫn cứ gọi xứ ruộng trồng lúa gần cái cầu kiều xưa là xứ ruộng cầu kiều. Các cụ cao niên ở xã Nam Hoàn, huyện Nam Đàn kể lại rằng, xưa kia ở gần ngôi đình Hoàn Sơn, vào dịp tết Nguyên Đán, người ta cũng hay tổ chức trò chơi "đi cầu kiều". Trên tạp chí văn hóa dân gian số 1/1997, ông Đức Nguyên (tức là Nguyễn Xuân Đức) và Trương Xuân Tiến - giảng viên chính của khoa Ngữ Văn, trường Đại học Vinh cũng cho biết rằng xưa kia ở một số làng ở huyện Can Lộc, huyện Thạch Hà,

tỉnh Hà Tĩnh, người ta cũng hay tổ chức trò chơi "đi cầu kiều" vào dịp tết Nguyên Đán. Trò chơi đó đại thể như sau: Vào dịp tết Nguyên Đán, người ta chặt một cây tre thẳng, cang dài thì cang tốt, rồi chặt hết các tay tre cho trơn tru, nhẵn nhụi. Đầu gốc tre gổt tự do trên bờ hồ, ngọn tre vươn dài ra giữa hồ, rồi gác lên 3 cọc tre buộc chum vào nhau giống như 3 cọc tre mà bà con nông dân hay buộc chum lại để buộc gàu sòng tát nước. Ai đi trên cái cầu kiều đó từ gốc ra đến ngọn rồi trở về gốc mà không rơi xuống hồ nước thì được nhận một giải thưởng. Đa số những trai tài gái sắc, mới đi ra đến giữa chừng thì cây tre đã lúng liếng, chao qua đảo lại, nên đã bị rơi tõm xuống hồ nước lạnh buốt. Thế là hàng trăm khán giả đứng trên bờ xem liền vỗ tay reo hò, náo động cả một vùng, vô cùng rôm rả. Thỉnh thoảng mới có một người có khả năng giữ thăng bằng giỏi thì mới "đi đến nơi về đến chốn" một cách an toàn, mới nhận được giải thưởng và được các khán giả nhiệt liệt vỗ tay hoan hô, khen ngợi, khâm phục. Như vậy, *cầu kiều* là một loại cầu bắc ra giữa hồ nước để làm trò chơi vào dịp đầu xuân xưa kia. Ngoài từ *cầu kiều* ra, trong tiếng Việt còn có rất nhiều từ ghép đẳng lập nửa Việt nửa Hán hoặc nửa Hán nửa Việt khác. Thí dụ: *nuôi dưỡng* (), *nghi hưu* (休), *thơm phức* (馥), *màu sắc* (色), *thờ phụng* (奉), *rèn luyện* (), *rối loạn* (乱), *sinh* (生) *đẻ*, *sinh* (生) *sống*, *tăng* (增) *thêm*, *giảm* (减)

bớt, *tu* (修) *sửa*, *di* (移) *dời*, *tài* (才) *giỏi*, *cáp* () *bạc*, *kì* (奇) *lạ*... Trong các từ ghép đẳng lập nửa Việt nửa Hán hoặc nửa Hán nửa Việt trên, từ thuần Việt ở bên cạnh để ngầm giải nghĩa từ Hán, làm cho từ Hán trở nên dễ hiểu hơn. Phương pháp tạo từ mới kiểu này là rất hay, rất tinh tế, làm phong phú thêm vốn từ của tiếng Việt, biến những từ đơn thành từ hai âm tiết. Từ hai âm tiết càng nhiều, thì chúng ta đọc lên sẽ cảm thấy êm tai, hài hòa, âm điệu hay hơn. Thế mà ông Thân lại không chú ý tới điều này. Vì vậy, ông đã viết: "Cứ lí giải tại sao lại *cầu kiều* (*cầu* - *cầu*), từ thuần Việt là cái cầu, *kiều* là từ Hán ngữ cũng là cái cầu" (đầu cột 1, trang 41, sdd). Qua câu trên, suy ra chúng ta biết được ông Thân cho rằng đã có *cầu* rồi, lại còn thêm *kiều* nghĩa là cái cầu, thành ra "cầu - cầu". Ông Thân cảm thấy như vậy là lặp ý, lặp nghĩa, thừa ra vô ích. Theo tôi, khi gặp những từ ghép đẳng lập nửa Việt nửa Hán hoặc nửa Hán nửa Việt như trên thì nên giải thích như sau: *Cầu kiều* thì *kiều* nghĩa là "cái cầu". *Cầu kiều* là cái cầu bắc qua sông, qua suối, qua hồ,...; *Thơm phức* thì *phức* nghĩa là "thơm", "rất thơm". *Thơm phức* nghĩa là rất thơm. Vì vậy chúng ta không thể nói hoặc viết là "rất thơm phức". *Di rời* thì *di* nghĩa là "di chuyển, dời di". *Di dời* nghĩa là "dời đến nơi khác". *Nghi hưu* thì *hưu* nghĩa là "ngỉ". *Nghi hưu* là nghỉ việc ở cơ quan mà vẫn có lương hưu hàng tháng. *Tu sửa* thì *tu* nghĩa là "sửa chữa". *Tu sửa* là

sửa chữa lại cho tốt hơn, đẹp hơn. Cách giải thích như trên sẽ giúp cho những người không học chữ Hán vẫn có thể từ đó suy ra để hiểu các từ *tiểu tu* là sửa chữa ở mức độ nhỏ, *trung tu* là sửa chữa ở mức độ trung bình, *đại tu* là sửa chữa ở mức độ lớn. *Di quan* nghĩa là di chuyển quan tài đến nơi khác. *Phưng phức* là một từ láy, trong đó "phức" là yếu tố có nghĩa, yếu tố gốc, "phưng" là yếu tố láy lại, không có nghĩa. Kiểu láy *ung ưc* này thể hiện qua các từ láy như: *nhưng nhức, hừng hực, rùng rục, ừng ực...* Nếu giải nghĩa kiểu như ông Thân thì *cầu kiều* là "cầu - cầu", *di dời* nghĩa là "dời - dời", *sinh đẻ* nghĩa là "đẻ - đẻ", *sinh đẻ có kế hoạch* nghĩa là "đẻ - đẻ có kế hoạch", *rèn luyện* nghĩa là "rèn - rèn", *màu sắc* nghĩa là "màu - màu"... Những người không học chữ Hán, nhất là các em học sinh cấp 2, cấp 3 nghe giải nghĩa kiểu như ông Thân thì sẽ cảm thấy vô cùng khó hiểu và sẽ kêu lên rằng "phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam". Từ đó, chúng ta thấy rằng kiểu tư duy và giải nghĩa như ông Thân sẽ làm cho nhiều người hiểu nhầm rằng nhiều từ ngữ của tiếng Việt, nghĩa không sáng sủa, lập ý, lập nghĩa, không hay ho gì. Như đã trình bày ở trên, tôi hiểu rằng *cầu kiều* là cái cầu bắc qua sông, qua suối... *Muốn sang thì bắc cầu kiều/ Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy* nghĩa là muốn vượt qua sông qua suối... thì phải bắc cầu. Muốn học hành giỏi giang, tiến bộ thì những người học trò phải biết yêu mến, kính

trọng thầy giáo, cô giáo. Bởi vì các thầy, các cô đã bắc những nhịp cầu kiến thức, giúp những người học trò vượt qua những ngày đêm tăm tối, đi tới bình minh, rồi tự họ học thêm, nghiên cứu thêm, trở thành những nhân tài có ích cho gia đình và xã hội. Hai câu ca dao trên có bốn dị bản như sau:

- (1) *Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn cho hay chữ thì yêu mến thầy.*
- (2) *Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu mến thầy.*
- (3) *Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn cho hay chữ thì yêu lấy thầy.*
- (4) *Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

Câu (1) và câu (3) khuyên răn những người học trò. Câu (2) và (4) khuyên răn những bậc cha mẹ. Câu (3) và (4), nội dung chưa hợp lí, chưa đúng, chưa hay. Chỉ có câu (1) và (2) là hợp lí nhất, đúng nhất, hay nhất. Tôi đã nhiều lần hỏi một số bà con nông dân ở huyện Nam Đàn - những người chịu nhiều thiệt thòi, phải nghỉ học dở dang nhưng họ vẫn hiểu *Muốn sang thì bắc cầu kiều/ Muốn con hay chữ thì yêu mến thầy* rất giống tôi. Có một số người lại hiểu *sang* nghĩa là "sang trọng", *cầu kiều* () là "cầu đẹp". Hiểu như vậy thì hai câu ca dao trên có nghĩa là "muốn cho sang trọng thì phải bắc cầu đẹp. Muốn cho học hành giỏi giang, tiến bộ thì những người học trò phải biết yêu mến, kính trọng những người thầy". Như vậy,

thành ra câu ca dao trên chỉ khuyên răn những người học trò con nhà giàu, vì gia đình mới có nhiều tiền để bắc cầu đẹp, sang trọng. Những người học trò con nhà nghèo, không có tiền để bắc cầu đẹp, sang trọng thì phải chịu thất học hay học hành kém ư? Điều đó lại không đúng như thực tế. Chúng ta đều biết rằng, từ xưa tới nay, nhiều người học trò con nhà nghèo, không có tiền để bắc cầu đẹp đẽ, sang trọng, nhưng nhờ chăm chỉ học hành, lại biết yêu mến, kính trọng thầy cô giáo nên đã trở thành những nhân tài có ích cho gia đình và xã hội.

Để nhắc nhở, khuyên răn thế hệ trẻ phải biết leo cao trên các nấc thang danh vọng như ông Thân giải thích, từ xa xưa, cha ông ta đã có những câu ca dao, tục ngữ sau:

(1) *Muốn cao sang thì leo thang danh vọng.*

(2) *Làm quan thì được cao sang
Bản thân sung sướng, lại vẻ vang
gia đình.*

(3) *Làm trai phải biết leo cao
Làm gái phải biết nấu xào cho ngon.*

(4) *Làm quan thì sướng, ăn chả
nướng thì ngon.*

Để khuyên những bậc cha mẹ phải có mơ ước và phải xử sự cho đúng lẽ như ông Thân nói, thì từ xa xưa, ông cha ta đã khuyên *tôn sư trọng đạo*, hay *Muốn sang thì bắc cầu kiều/ Muốn con hay chữ thì yêu mến thầy* như tôi đã giải thích ở trên.

Qua phân tích và chứng minh như trên, chúng ta thấy rằng muốn hiểu câu ca dao: *Muốn sang thì bắc cầu kiều/ Muốn con hay chữ thì yêu mến thầy* cho đúng, cho chính xác, thì phải có một số vốn liếng dồi dào về ca dao, tục ngữ, về từ ngữ của tiếng Việt và phải tư duy cho rành mạch, lập luận cho chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.

KÍNH BÁO

LỄ TRAO QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

Ngày 28 tháng 11 năm 2011, GS.TS Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã ký Quyết định số 1871/QĐ-KHXXH để GS.TS Nguyễn Đức Tồn, Tổng biên tập Tạp chí Ngôn ngữ kiêm Viện trưởng Viện Ngôn ngữ học thôi giữ chức Viện trưởng Viện Ngôn ngữ học.

Ngày 30 tháng 11 năm 2012, Lễ trao Quyết định bổ nhiệm Viện trưởng đã diễn ra trọng thể tại Viện Ngôn ngữ học. Đến dự buổi lễ có GS.TS Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện KHXHVN, TS Lê Huy Hoàng, Trưởng ban Ban tổ chức cán bộ Viện KHXHVN, các vị khách đến từ các cơ quan hợp tác của Viện Ngôn ngữ học cùng toàn thể cán bộ, viên chức Viện Ngôn ngữ học. GS.TS Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã trao Quyết định bổ nhiệm GS.TS Nguyễn Văn Hiệp giữ chức Viện trưởng Viện Ngôn ngữ học nhiệm kỳ 2012 - 2017.

TẠP CHÍ NGÔN NGỮ

